



といれ だんせい
トイレ (男性)

Restroom (Men)

Toaleta (Masculino)

Nhà vệ sinh (nam)

男洗手间



といれ じょせい
トイレ (女性)

Restroom (Women)

Toaleta (Feminino)

Nhà vệ sinh (nữ)

女洗手间



じょせい
女性のみ

Women only

Somente mulheres

Chỉ dành cho nữ

女性専用

じゅにゆうしつ

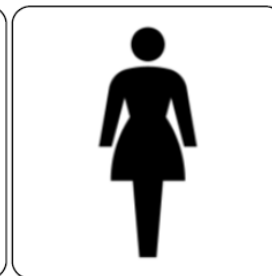
授乳室

Nursing Room

Sala de Amamentação

Phòng cho con bú

哺乳室



だんじょきょうよう

男女共用

All Gender

Todos os gêneros

Dùng chung cho cả
nam và nữ

男女共用

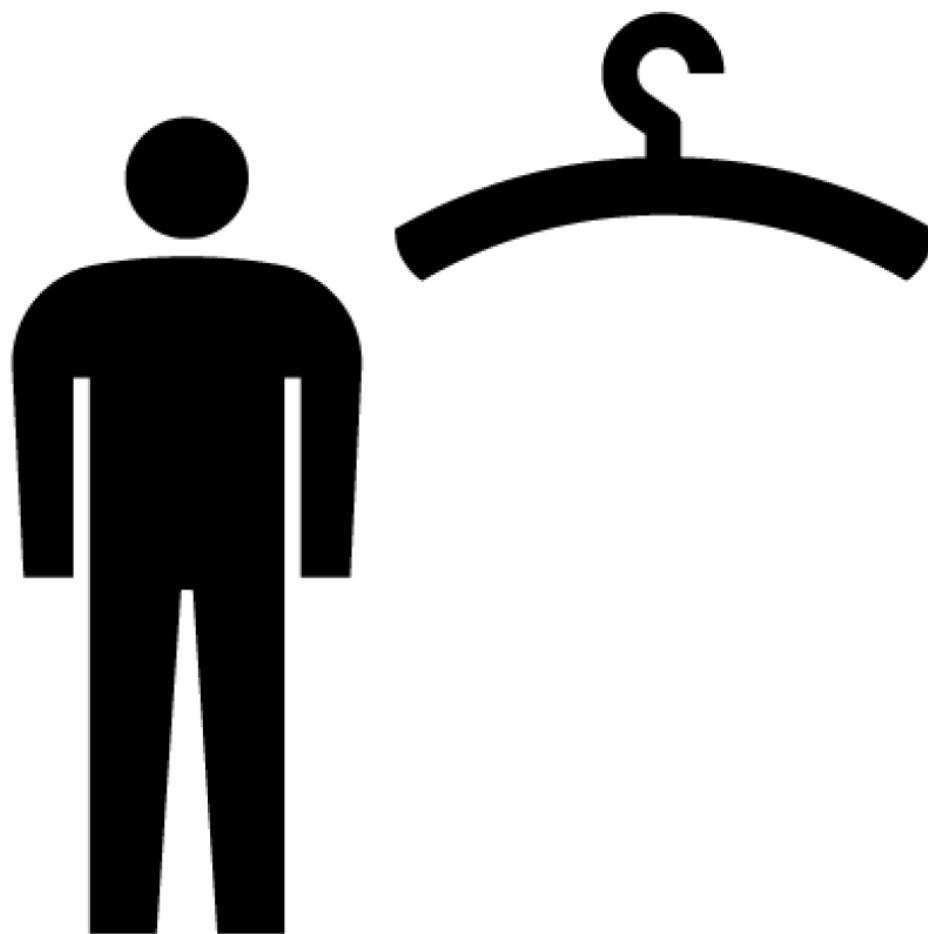
いくじすぺーす
育児スペース

Childcare Space

**Espaço para
Cuidados da Criança**

Khu vực cho trẻ em

育児区



こういしつ (だんせい)

更衣室 (男性)

Dressing Room (Men)

Vestuário (Masculino)

Phòng thay đồ (nam)

男更衣室



こういしつ (じょせい)

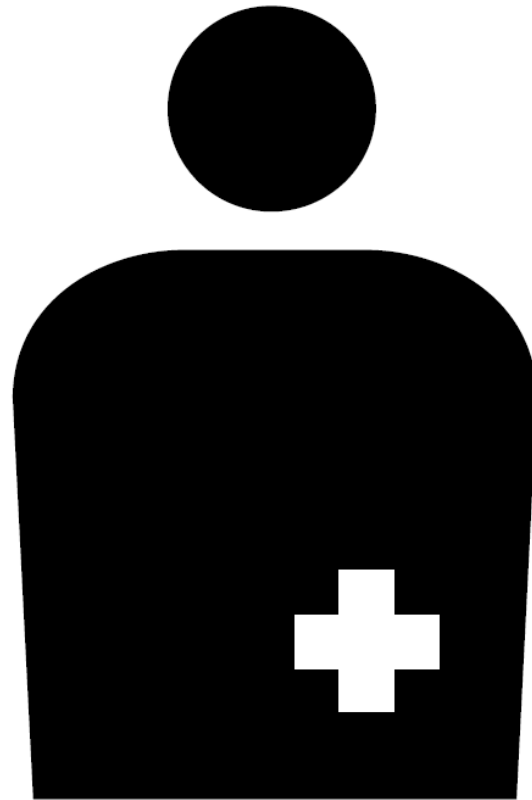
更衣室 (女性)

Dressing Room (Women)

Vestuário (Feminino)

Phòng thay đồ (nữ)

女更衣室



おすとめいとようせつび

オストメイト用設備

Ostomate equipment

Equipamento ostomizado

**Sử dụng thiết bị
hậu môn nhân tạo**

人工肛门对应设备



ごみばこ
ゴミ箱

Trash box

Lata de lixo

Thùng rác

垃圾箱



う け っ け
受 付

Reception

Recepção

Quầy tiếp tân

签到处



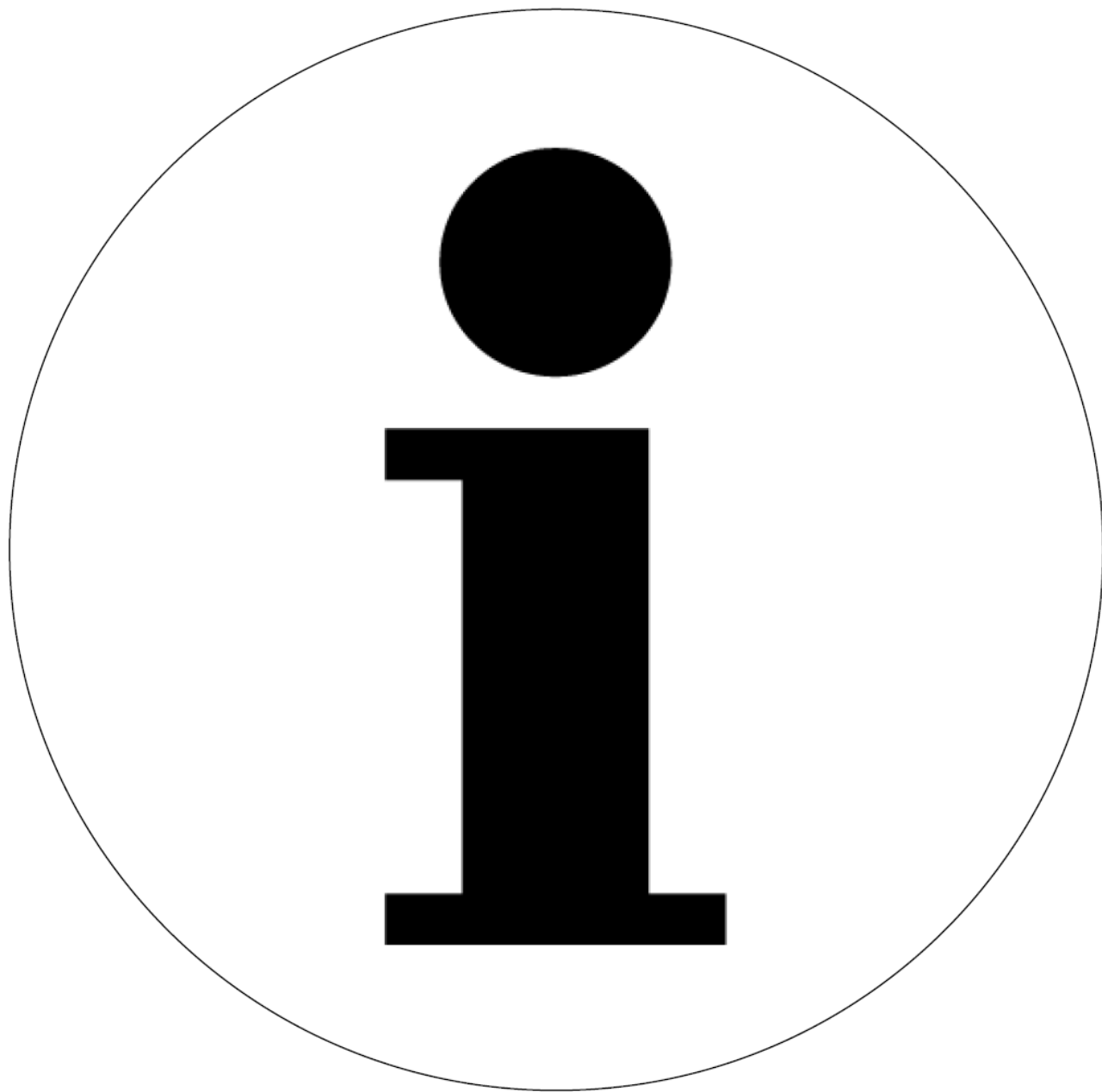
**そうだんまどぐち
相談窓口**

Consultation Desk

Balcão de Atendimento

Quầy tư vấn

咨询窗口



けいじばん
掲示板

Information

Quadro de Informações

Bảng thông báo

布告栏



きゅうごしつ
救護室

First Aid

Sala de Primeiros Socorros

Phòng sơ cứu

救护室



だんわしつ
談話室

Lounge

Saguão

Phòng nói chuyện

谈话室



めんかいばしょ

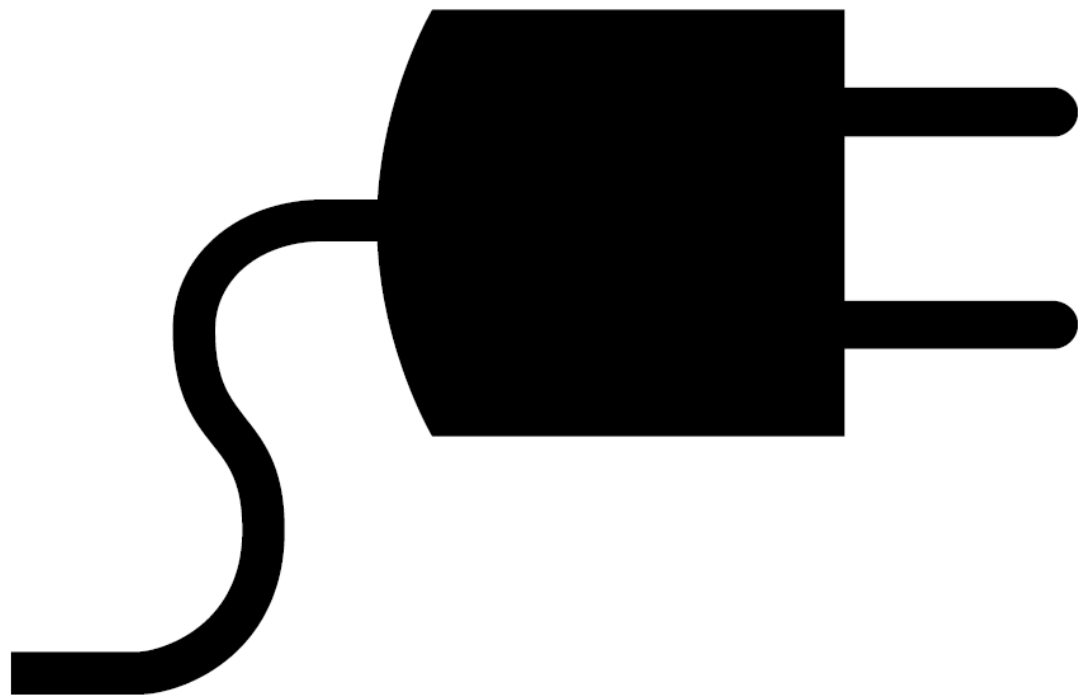
面会場所

Meeting Point

Ponto de Encontro

Khu vực thăm nom

会面处



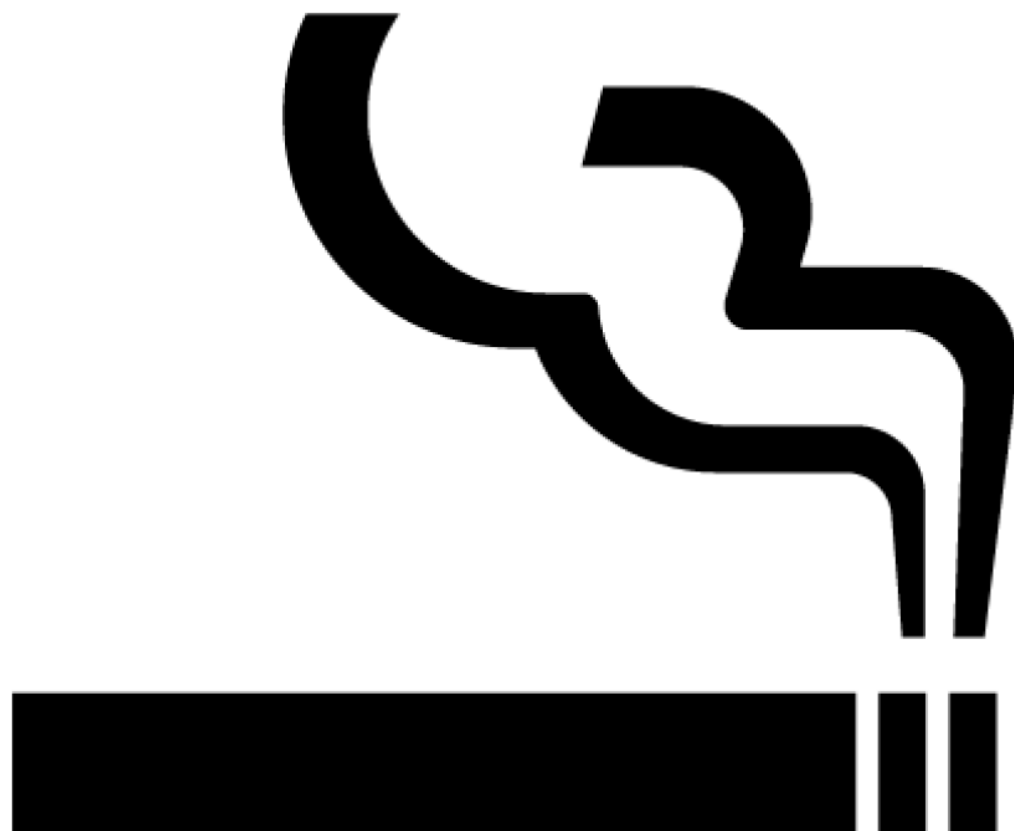
じゅうでんこーなー
充電コーナー

Charging Corner

Canto de recarga de bateria

Khu vực sạc điện

充电处



きつえんじょ
喫煙所

Smoking Area

Área de Fumantes

Khu vực hút thuốc

吸烟处



たちいりきんし
立入禁止

No Entry

Entrada Proibida

Khu vực cấm vào

禁止进入



さわるな

Do Not Touch

Não toque

Không được chạm vào

请勿触摸



のめない
飲めない

Do Not Drink

Não beba

Không được uống

请勿饮用



さつえいきんし

撮影禁止

No Photos or Videos

Não fotografar ou filmar

Cấm chụp ảnh

禁止拍照摄影